TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2023
"V/v yêu cầu không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Đình Hoằng và ông Lương Văn Kiên.

Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 790/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thái Thị Mỹ H**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ 08, phường T, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ 08, phường T, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thái Thị Mỹ H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân do không am hiểu pháp luật nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T sống với người phụ nữ khác. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Hiện nay không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình H phúc nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thế C, sinh ngày 05/01/1997. Hiện nay cháu Chung đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Thái Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ 08, phường T, thành phố P, tỉnh G. Theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về việc "Yêu cầu không công nhận vợ chồng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nam.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để xác định chị Thái Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay. Tại điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ giữa chị Thái Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T không được coi là vợ chồng. Do vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa chị H và anh T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị H yêu cầu ly hôn nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thái Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn không

phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị Mỹ H, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thái Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Thái Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002724 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (29/6/2023), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Loan Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND Phường Phù Đổng, TP Pleiku (GCNKH số 99, ngày 10/8/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Loan Phương